

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
VÀ SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

**Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

Công ty: Công ty Cổ phần Thủy điện Điện lực Đắk Lắk

Mã chứng khoán: EAD

Trụ sở chính: Phòng 6, Tầng 2, khu B, chung cư Hoàng Anh Gia Lai, 33 Nguyễn
Công Trứ, Phường Tự An, Thành phố Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam

Điện thoại: 0262 2240159

Fax: 0262 3950817

Người thực hiện công bố thông tin: Ông Nguyễn Quang Toàn - Chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ: 231 Lý Thường Kiệt, P. Thắng Lợi, TP Buôn Ma Thuột, Đắk Lắk

ĐT di động: 0905002939 ĐT cố định: 0262 2240159

Fax: 0262 3950817

Loại thông tin công bố: 24h, 72h, Yêu cầu, Bất thường, Định kỳ

Nội dung công bố:

- Báo cáo thường niên năm 2019 của Công ty đại chúng.

(File điện tử được đăng tải tại địa chỉ: [http:// www.dpnc.com.vn](http://www.dpnc.com.vn)).

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn
toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

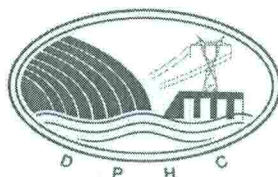
Đắk Lắk, Ngày 13 tháng 03 năm 2020

NGƯỜI THỰC HIỆN CBTT



Nguyễn Quang Toàn

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN NĂM 2019
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN
ĐIỆN LỰC ĐẮK LẮK



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐIỆN LỰC ĐẮK LẮK
Năm 2019

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

Tên giao dịch :

- Tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐIỆN LỰC ĐẮK LẮK**

- Tiếng Anh: **DAK LAK POWER HYDROELECTRIC JOINT STOCK COMPANY**

- Viết tắt: **DPHC**

Logo :



Giấy chứng nhận ĐKKD : Số **6000596136** do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 31/10/2006, thay đổi lần thứ 6: ngày 19/05/2016

Vốn điều lệ : 28.778.000.000 đồng (*Hai mươi tám tỷ bảy trăm bảy mươi tám triệu đồng chẵn*)

Vốn đầu tư của chủ sở hữu : 28.778.000.000 đồng (*Hai mươi tám tỷ bảy trăm bảy mươi tám triệu đồng chẵn*)

Địa chỉ : Phòng 6, Tầng 2, khu B, Chung cư Hoàng Anh Gia Lai, 33 Nguyễn Công Trứ, Phường Tự An, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam.

Số điện thoại : 0262 2240159

Số fax : 0262 3950817

Website : dphc.com.vn

E-mail : thuydieneadrang2@gmail.com; toandphc@gmail.com

Mã cổ phiếu : **EAD**

Quá trình hình thành và phát triển:

Công ty Cổ phần Thủy điện Điện lực Đắk Lắk là đơn vị trực tiếp quản lý và vận hành nhà máy Thủy điện EaĐrăng 2 có công suất lắp máy $3,2 \times 2 = 6,4$ MW được hình thành và phát triển qua các giai đoạn như sau:

- 31/10/2006** Công ty Cổ phần Thủy điện Điện lực Đắk Lắk được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 6000596136 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đắk Lắk cấp lần đầu ngày 31/10/2006 và thay đổi lần thứ 4 ngày 13/12/2011 với số vốn điều lệ đăng ký ban đầu là 28.778.000.000 đồng.
- 16/03/2007** UBND tỉnh Đắk Lắk đã có công văn số 724/UBND-CN về việc đồng ý cho Công ty CP thủy điện - Điện lực Đắk Lắk lập dự án đầu tư thủy điện Ea Đrăng 2 xã Ea Wy, Huyện Ea H'Leo, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam.
- 23/08/2011** Nhà máy thủy điện Ea Đrăng 2 chính thức vận hành phát điện thương mại với 2 tổ máy có công suất: $2 \times 3,2 = 6,4$ MW.
- 24/02/2014** Được công nhận công ty đại chúng
- 11/07/2014** Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cấp giấy chứng nhận đăng ký lưu ký lần đầu với số lượng cổ phiếu đăng ký lưu ký là 2.823.040 cổ phiếu
- 07/08/2015** Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cấp giấy chứng nhận đăng ký lưu ký thay đổi lần thứ nhất với số lượng cổ phiếu đăng ký lưu ký là 2.877.800 cổ phiếu.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

* Ngành nghề kinh doanh:

Sản xuất, truyền tải và phân phối điện. Chi tiết: Đầu tư, xây dựng, khai thác, quản lý vận hành Nhà máy thủy điện.

* Địa bàn kinh doanh: tỉnh Đắk Lắk.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

* **Mô hình quản trị công ty:**

Công ty được tổ chức gọn nhẹ để giảm thiểu và triệt tiêu những lãng phí không cần thiết, và hướng đến hiệu quả cao nhất cho cổ đông. Tổng số cán bộ công nhân viên chỉ có 16 người.

Tổ chức Bộ máy quản trị điều hành Công ty gồm có:

- **Bộ phận quản lý:**

+ Giám đốc điều hành: 01 người

+ Phó giám đốc: 01 người

- **Phòng kế toán tổng hợp:**

+ Kế Toán trưởng: 01 người

+ Kế toán viên: 01 người

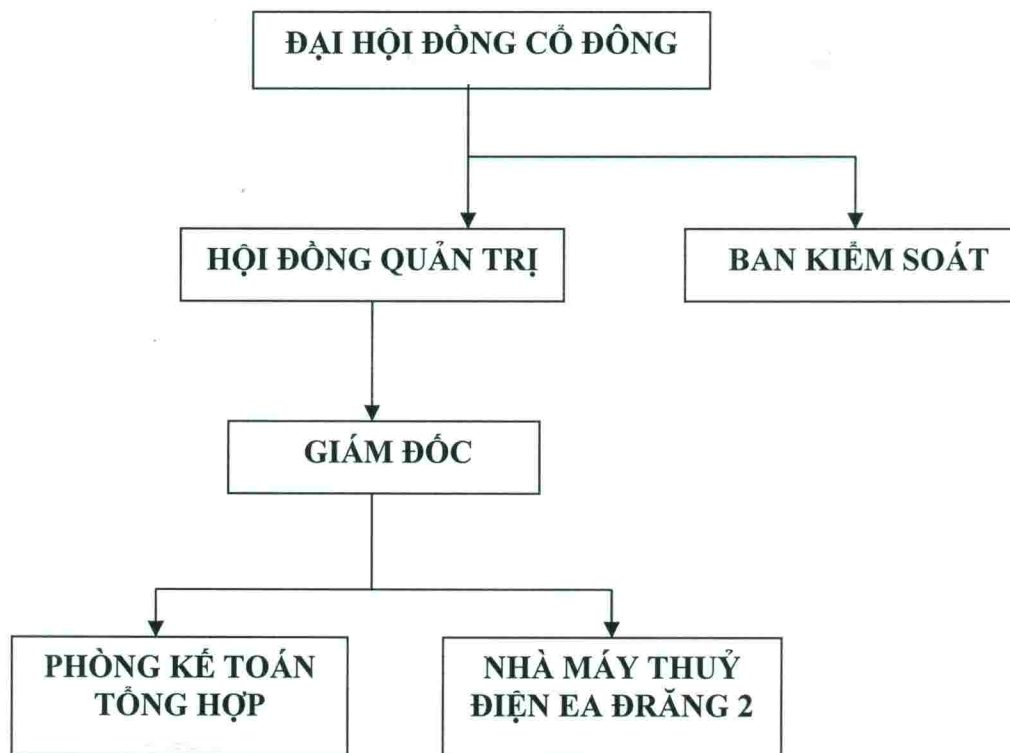
- Nhà máy thủy điện Ea Đrăng 2: Gồm

+ 01 Quản đốc phụ trách Nhà máy

+ 05 kíp vận hành: mỗi kíp vận hành có 01 Trưởng ca điều hành và 1 nhân viên vận hành.

+ 01 nhân viên tạp vụ.

* Cơ cấu bộ máy quản lý:



* Các công ty con, công ty liên kết:

- Hiện tại, Công ty cổ phần Thủy điện Điện lực Đắk Lắk không có công ty mẹ và công ty con.

- Công ty cổ phần Thủy điện Điện lực Đắk Lắk không nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối của Công ty nào và cũng không bị Công ty nào nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Công ty

4. Định hướng phát triển:

* Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

Nhiệm vụ sản xuất kinh doanh chính của Công ty hiện nay là tập trung vào công tác vận hành kinh doanh Nhà máy Thủy điện Ea Đrăng 2 một cách an toàn và hiệu quả, phấn đấu hoàn thành vượt mức kế hoạch sản lượng điện thương phẩm theo kế hoạch hàng năm đề ra.

* Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

Hiện tại Công ty chưa triển khai đầu tư cho nghiên cứu và phát triển sản phẩm, dịch vụ mới ngoài sản xuất kinh doanh điện năng. Tuy nhiên trong tương lai gần, để

khai thác tốt các tiềm năng vật chất, tài chính và nhân sự của Công ty, HĐQT đã giao cho Giám đốc tìm kiếm cơ hội đầu tư kinh doanh có hiệu quả theo các ngành nghề kinh doanh đã đăng ký, nhưng trước mắt và chủ yếu là tập trung phát triển ngành nghề cốt lõi: Đầu tư và xây dựng, sản xuất kinh doanh điện năng thủy điện, cụ thể là tìm kiếm các dự án thủy điện hiệu quả trên địa bàn các tỉnh Tây Nguyên để đầu tư nhằm mục đích mở rộng phát triển Công ty.

*** Các mục tiêu phát triển bền vững:** Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty

Thời gian qua Công ty đã thực hiện tốt công tác bảo vệ môi trường thể hiện qua báo cáo kết quả quan trắc môi trường. Công ty cũng đã thực hiện nghiêm túc chương trình giám sát và quản lý môi trường; thu gom, vận chuyển và xử lý toàn bộ chất thải nguy hại định kỳ hàng năm; xây dựng phương án phòng chống lụt bão đảm bảo an toàn đập; phương án phòng chống lũ lụt vùng hạ du đập do xả lũ hồ chứa hoặc dự cố đập và chuẩn bị các điều kiện cần thiết để kịp thời triển khai nhằm giảm thiểu thiệt hại đến đời sống cộng đồng và môi trường tự nhiên.

5. **Các rủi ro:**

Rủi ro về kinh tế:

Việt Nam là một trong những nước sớm vượt qua giai đoạn khó khăn và phục hồi nhanh sau khủng hoảng tài chính toàn cầu. Cũng như bao ngành khác, ngành điện cũng chịu rủi ro từ sự điều chỉnh của chu kỳ kinh tế, tuy nhiên mức độ ảnh hưởng của các đơn vị thủy điện ít hơn so với các đơn vị khác trong ngành điện.

Trong giai đoạn hiện nay, an ninh năng lượng vẫn được Chính phủ nhận định là một trong những thách thức lớn của đất nước, có thể xuất hiện nguy cơ thiếu điện trong những năm tới nếu không có các giải pháp khắc phục kịp thời. Vì vậy, sự ảnh hưởng kinh tế đối với thị trường đầu ra của điện năng do Công ty Cổ phần Thủy điện Điện lực Đắk Lắk sản xuất là không đáng kể.

Rủi ro về luật pháp:

Với hệ thống pháp luật hiện tại, khả năng vẫn có thể có những thay đổi về chính sách ưu đãi đầu tư, thuế.... Điều này có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Tuy nhiên, rủi ro về luật pháp đối với ngành điện không cao bởi đây là ngành được Nhà nước khuyến khích đầu tư, nên có nhiều khả năng có những thay đổi về pháp lý theo hướng có lợi cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Thủy điện Điện lực Đắk Lắk.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty CP Thủy điện Điện lực Đắk Lắk thực hiện dự án thủy điện Ea Drăng 2 với tỷ trọng vốn vay chiếm hơn 70% trên tổng mức đầu tư. Hiện tại công ty có tỷ lệ nợ lớn nên rủi ro về lãi suất là rất lớn.

Rủi ro về biến động giá bán điện:

Năm 2008, Bộ Công thương đã ban hành Quyết định số 18/2008/QĐ-BCT, ngày 18 tháng 07 năm 2008 về việc ban hành Quy định về biểu giá chi phí tránh

được và hợp đồng mua bán điện mẫu áp dụng cho các nhà máy điện nhỏ sử dụng năng lượng tái tạo.

Năm 2011, Công ty Cổ phần Thủy điện Điện lực Đắk Lắk đã thực hiện việc ký kết hợp đồng với bên mua điện là Tổng Công ty Điện lực Miền Trung theo biểu giá chi phí tránh được do Cục Điều tiết ban hành hàng năm. Việc điều chỉnh tăng giá bán điện hàng năm của Cục Điều tiết dẫn tới ảnh hưởng có lợi về giá bán điện của Công ty CP Thủy điện Điện lực Đắk Lắk.

Năm 2014, Bộ Công thương đã ban hành Quyết định số 32/2014/TT-BCT, ngày 09 tháng 10 năm 2014, có hiệu lực thi hành ngày 25 tháng 11 năm 2014 về trình tự xây dựng, áp dụng Biểu giá chi phí tránh được và ban hành Hợp đồng mua bán điện mẫu cho các nhà máy thủy điện nhỏ. Từ khi áp dụng biểu giá chi phí tránh được đến nay thì giá bán điện trung bình hàng năm của Công ty được điều chỉnh tăng từ 0 - 5 %. Việc tăng giá bán điện của Cục Điều tiết dẫn tới ảnh hưởng có lợi về giá bán điện của Công ty.

Rủi ro về đặc thù về ngành sản xuất kinh doanh thủy điện:

Rủi ro về điều kiện thời tiết là rủi ro chủ yếu và có ảnh hưởng lớn nhất tới các công ty hoạt động trong lĩnh vực thủy điện. Sản lượng và hiệu quả của nhà máy thủy điện phụ thuộc chính vào nguồn năng lượng nước có khả năng tái tạo, dự trữ.

Trong trường hợp hạn hán kéo dài, lượng mưa giảm cả trong mùa mưa, làm lượng nước tích trong hồ chứa thấp hơn so với năng lực thiết kế, ảnh hưởng lớn tới sản lượng điện sản xuất của nhà máy. Ngoài ra, các thiên tai khác như lũ quét và mưa lớn có thể gây thiệt hại về đường sá và các công trình đê đập của nhà máy, gây ra sự cố trong việc phát điện và tăng chi phí sửa chữa.

Tình hình cung cấp điện năng năm 2019 gặp nhiều khó khăn hơn năm 2018. Tình hình thời tiết sáu tháng đầu năm 2019 nhà máy không đủ nước để chạy máy theo kế hoạch dẫn đến sản lượng điện thương phẩm 2019 giảm 9,97% so với năm 2018. Tuy vậy kết quả kinh doanh của Công ty trong năm vẫn đạt và vượt kế hoạch của Đại hội đồng cổ đông đặt ra nhưng thấp hơn năm 2018. Do vậy rủi ro về thời tiết vẫn luôn tồn tại trong toàn bộ thời gian hoạt động của Công ty.

Công ty luôn cố gắng nắm vững những dự báo khí hậu và thủy văn để có những phương án dự phòng vận hành lòng hồ, điều độ máy móc, nhân lực để vận hành nhà máy đạt công suất cao nhất có thể và đảm bảo mức tiêu hao nước/1kWh là thấp nhất. Ngoài ra, Công ty cũng chuẩn bị những phương án phòng chống bão lụt, giảm nhẹ thiệt hại do thiên tai gây ra đối với các công trình đê đập, đường dây truyền tải điện của nhà máy và thực thi các biện pháp bảo vệ môi trường sinh thái.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

* Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2019:

- Sản lượng điện thương phẩm đạt: 23.292.779 kWh.

- Tổng doanh thu đạt: 26.484 triệu đồng
- Tổng chi phí: 19.785 triệu đồng
- Lợi nhuận trước thuế TNDN: 6.699 triệu đồng
- Thuế TNDN: 349 triệu đồng
- Lợi nhuận sau thuế TNDN: 6.350 triệu đồng

* Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

Đã hoàn thành và vượt kế hoạch về công tác SXKD trong Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2019 đề ra. Cụ thể:

- Tổng sản lượng điện thương phẩm: 23.292.779 kWh đạt 110,92% so với Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2019.

- Tổng doanh thu điện thương phẩm: 26.092 triệu đồng, đạt 108,61% so với Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2019.

- Tổng lợi nhuận sau thuế: 6.350 triệu đồng, đạt 141,32% so với Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2019.

2. Tổ chức và nhân sự

* **Danh sách Ban điều hành:**

- Hội đồng quản trị:

Tên	Chức vụ	Năm sinh	Tỷ lệ nắm giữ	Ngày bổ nhiệm/Tái bổ nhiệm
Nguyễn Đức Trọng	Chủ tịch	1952	2,432%	24/04/2017
Bùi Văn Tuấn	Thành viên	1978	3,107%	24/04/2017
Nguyễn Quang Toàn	Thành viên	1978	4,587%	24/04/2017

- Ban kiểm soát:

Tên	Chức vụ	Năm sinh	Tỷ lệ nắm giữ	Ngày bổ nhiệm/Tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Lê Nữ Hồng Nhung	Trưởng ban	1976	0,243%	24/04/2017	
Nguyễn Văn Vinh	Thành viên	1964	0,243%	24/04/2017	
Hoàng Thị Thu Trang	Thành viên	1980	0%	24/04/2017	

- Ban Giám đốc:

Tên	Chức vụ	Năm sinh	Tỷ lệ nắm giữ
Nguyễn Quang Toàn	Giám đốc	1978	4,587%
Bùi Văn Tuấn	Phó giám đốc	1978	3,107%

- Kế Toán trưởng:

Tên	Chức vụ	Năm sinh	Tỷ lệ nắm giữ
Mai Thị Thu Thảo	Kế Toán trưởng	1977	0,869%

- Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Ban điều hành:

1. Ông Nguyễn Quang Toàn - Giám đốc

Số CMND: 240528459 cấp ngày 05/11/2011 tại Công an Đắk Lắk

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 06/04/1978

Nơi sinh: TP Buôn Ma Thuột, Đắk Lắk

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Tôn giáo: Thiên Chúa Giáo

Quê quán: Kiến Xương, Thái Bình

Địa chỉ thường trú: 231 Lý Thường Kiệt, Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Kỹ Sư điện

Quá trình công tác:

2000-2006 Làm tại phòng Kỹ Thuật Công ty Điện lực Đắk Lắk

2006 - nay làm Giám đốc Công ty

Chức vụ hiện nay tại công ty: Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc Công ty

Số cổ phần nắm giữ: 132.000 cổ phần chiếm 4,587% vốn đầu tư thực tế

Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu: Bà Bùi Thị Liên Hương là vợ của Ông Nguyễn Quang Toàn có cổ phần trong Công ty là 10.000 cổ phần chiếm 0,347% vốn đầu tư thực tế

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Lợi ích liên quan với Công ty: Không

2. Ông Bùi Văn Tuấn - Phó giám đốc

Số CMND: 241179920 cấp ngày 05/04/2007 tại Công an Đắk Lắk

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 12/10/1978

Nơi sinh: Tam Hải, Núi Thành, Quảng Nam

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Tôn giáo: Không

Quê quán: Tam Hải, Núi Thành, Quảng Nam

Địa chỉ thường trú: 564 Nguyễn Văn Cừ, TP. Buôn Ma Thuật, tỉnh Đắk Lắk

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ khí, Cử nhân quản trị doanh nghiệp

Quá trình công tác:

2003-2006 Làm tại phòng Kỹ Thuật Công ty Điện lực Đắk Lắk

2006 - nay làm phó giám đốc công ty

Chức vụ hiện nay tại công ty: Thành viên HĐQT kiêm phó giám đốc

Số cổ phần nắm giữ: 89.400 cổ phần chiếm 3,107% vốn đầu tư thực tế

Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Lợi ích liên quan với Công ty: Không

3. Mai Thị Thu Thảo - Kế toán trưởng:

Số CMND: 240745043 cấp ngày 28/07/2012 tại Công an Đắk Lắk

Giới tính: Nữ

Ngày sinh: 17/03/1977

Nơi sinh: Cam Lộ, Cam Ranh, Khánh Hoà

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Tôn giáo: Không

Quê quán: Bình Long, Bình Sơn, Quảng Ngãi

Địa chỉ thường trú: 17/31 Nguyễn Viết Xuân, Phường Tân Thành, TP Buôn Ma Thuật, tỉnh Đắk Lắk

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

Năm 1997 - 2006: Làm tại Công ty Mía Đường Đắk Nông, Chức vụ: Phó phòng kế toán

Năm 2006 -2007: Làm tại Công ty TNHH Nông Việt Phát, Chức vụ: Kế toán trưởng

Năm 2007 đến nay làm tại phòng kế toán Công ty CP thủy điện điện lực Đắk Lắk

Chức vụ hiện nay tại công ty: Kế toán trưởng

Số cổ phần nắm giữ: 25.000 cổ phần chiếm 0,869% vốn đầu tư thực tế

Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu: Ông Mai Hồng Ngọc là Anh ruột của bà Mai Thị Thu Thảo có cổ phần trong Công ty là 25.000 cổ phần chiếm 0,869% vốn đầu tư thực tế

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Lợi ích liên quan với Công ty: Không

*** Những thay đổi trong ban điều hành:**

Sau Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019, công ty không có sự thay đổi trong ban điều hành.

*** Số lượng cán bộ, nhân viên:**

Tổng số lao động trong Công ty tính đến 31/12/2019 là 16 người. Trong đó:

Tiêu chí	Số lượng	Tỷ lệ (%)
I. Phân theo đối tượng lao động	16	100
- Lao động trực tiếp	12	75
- Lao động gián tiếp	04	25
II. Phân theo trình độ lao động	16	100
- Trình độ đại học	03	19
- Trình độ cao đẳng và trung cấp	11	69
- Lao động phổ thông	02	12

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

a) Các khoản đầu tư lớn:

Không có.

b) Các công ty con, công ty liên kết:

- Hiện tại, Công ty CP Thủy điện Điện lực Đắk Lắk không có công ty mẹ và công ty con.

- Công ty CP Thủy điện Điện lực Đắk Lắk không nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối của Công ty nào và cũng không bị Công ty nào nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Công ty.

4. Tình hình tài chính:

a) Tình hình tài chính

Đơn vị tính: Triệu đồng VN

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2019/2018 (%)
Tổng giá trị tài sản	102.601	95.508	93,09
Doanh thu thuần về bán hàng	29.171	26.092	89,44
Doanh thu hoạt động tài chính	321	182	56,70
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	8.873	6.752	76,10
Lợi nhuận khác	18	-53	
Lợi nhuận trước thuế	8.891	6.699	75,35
Lợi nhuận sau thuế	8.430	6.350	75,33
Tỷ lệ lợi nhuận trên cổ phiếu (đồng/CP)	2.754	2.074	75,31

Các chỉ tiêu khác: Lợi nhuận sau thuế năm 2019 đạt 6.349.913.284 đồng, giảm 24,68% so với năm 2018. Nguyên nhân chủ yếu là do:

Năm 2019 do ảnh hưởng thời tiết năm 2018 mùa mưa chấm dứt sớm nên 6 tháng đầu năm 2019 nhà máy không có đủ nước để chạy máy theo kế hoạch dẫn đến sản lượng điện thương phẩm năm 2019 giảm 9,97% so với năm 2018, Giá bán điện thương phẩm năm 2019 bình quân tăng so với năm 2018 nhưng vì sản lượng sản xuất giảm 9,97% nên doanh thu điện thương phẩm năm 2019 giảm 10,25% so với năm 2018.

Về phần chi phí:

+ Chi phí thuế tài nguyên và phí dịch vụ môi trường rừng giảm do sản lượng điện thương phẩm giảm.

+ Quỹ lương được tính theo doanh thu nên doanh thu giảm, quỹ lương cũng giảm.

+ Công ty tiết giảm một số chi phí bảo dưỡng.

+ Công ty vẫn được ưu đãi miễn thuế TNDN. Năm 2019 ưu đãi về thuế TNDN là giảm 50%.

Kết luận:

+ Doanh thu điện thương phẩm năm 2019 giảm 10,25% so với năm 2018

+ Chi phí trong năm 2019 giảm 4,04% so với năm 2018.

+ Lợi nhuận sau thuế của năm 2019 giảm 24,68% so với năm 2018.

Tuy nhiên kết quả kinh doanh của Công ty trong năm vẫn đạt và vượt kế hoạch của Đại hội đồng cổ đông đề ra.

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Các chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	Ghi chú
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	1,94	3,76	
+ Hệ số thanh toán nhanh: <u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn	1,87	3,60	
<i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,66	0,62	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	1,92	1,66	
<i>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
+ Vòng quay hàng tồn kho: + Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân + Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,28	0,27	
<i>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,29	0,24	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,24	0,18	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,08	0,07	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,30	0,26	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

a) Cổ phần:

- Cổ phiếu phổ thông: 2.877.800 cổ phiếu (*Hai triệu tám trăm bảy mươi bảy ngàn tám trăm cổ phiếu*)

- Mệnh giá: 10.000 đồng (*Mười ngàn đồng*)

- Tổng giá trị theo mệnh giá: **28.778.000.000 đồng** (*Hai mươi tám tỷ bảy trăm bảy mươi tám triệu đồng chẵn*)

b) Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 03/02/2020: (Thời điểm chốt danh sách cổ đông gần nhất)

Phân loại cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần sở hữu (cp)	Tỷ lệ sở hữu (%)
Theo cổ đông lớn, cổ đông nhỏ	196	2.877.800	100,00
- Cổ đông nắm giữ từ 5% số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên	2	294.500	10,23
- Cổ đông nắm giữ từ dưới 5% số cổ phần có quyền biểu quyết trở xuống	194	2.583.300	89,77

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: không

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: không

e) Các loại chứng khoán khác: không

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm: Không có

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: Không có

6.2. Tiêu thụ năng lượng:

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp:

- Năng lượng tiêu thụ trực tiếp

* Điện phục vụ cho hoạt động nhà máy: ~6.669 kWh/tháng

* Dầu DO cho máy nổ nhà máy: ~ 304 lít/tháng

Năng lượng tiêu thụ gián tiếp

* Điện phục vụ cho hoạt động văn phòng: ~ 40 kWh/tháng

* Dầu DO cho xe ô tô: ~ 932 lít/tháng

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: Không có

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này: Không có

6.3. Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm): Không đáng kể do hoạt động sản xuất kinh doanh không sử dụng nước mà chỉ sử dụng năng lượng nước. Nước chỉ dùng cho sinh hoạt văn phòng.

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng: Là nước giếng, lượng nước tiêu thụ khoảng 30m³/tháng.

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: Không có

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động:

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động:

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2018	Năm 2019	2019/2018
Tổng số CBCNV	Người	16	16	100%
Thu nhập BQ	VNĐ/tháng	14.683.000	14.028.000	95,54%

Nguyên nhân thu nhập bình quân tháng của người lao động giảm là do chính sách chi lương cho người lao động theo tỉ lệ doanh thu.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:

Về chăm sóc sức khỏe

Hàng năm Công ty ký hợp đồng với đơn vị có chức năng kiểm tra sức khỏe định kỳ cho Cán bộ công nhân viên Công ty.

Về tuyển dụng

Công ty luôn đề cao năng lực của mỗi nhân viên và chào đón các ứng viên muốn gắn bó lâu dài với Công ty, có phong cách làm việc chuyên nghiệp và năng động. Do đó, để thu hút nhân tài và tạo nên sự gắn kết lâu dài của cán bộ công nhân viên, giữ chân người lao động có chuyên môn cao phục vụ lâu dài cho Công ty, Ban điều hành đã đề ra các chính sách lương, thưởng rõ ràng, công khai và đặc biệt đối với các nhân viên xuất sắc, nhiều kinh nghiệm về lĩnh vực mà họ đang phụ trách.

Môi trường công việc

Công ty luôn cố gắng tạo một môi trường làm việc hiện đại, năng động, thân thiện và cân bằng cho cán bộ công nhân viên. Tất cả nhân viên làm việc tại Công ty cổ phần thủy điện điện lực Đắk Lắk đều được tạo cơ hội để phát huy tối đa khả năng của bản thân đồng thời phát triển, mở rộng vốn kiến thức hiểu biết. Những đóng

góp, chia sẻ và cống hiến về sức lực và trí tuệ luôn được ghi nhận và đánh giá kịp thời.

Về lương, thưởng, phúc lợi, đãi ngộ

Công ty áp dụng đầy đủ các chế độ, chính sách đối với người lao động được quy định trong hợp đồng lao động, nội quy lao động như các chế độ BHXH, BHYT, bảo hiểm tai nạn, chế độ nghỉ dưỡng, phụ cấp thâm niên, trang bị đồng phục, hỗ trợ nghỉ việc, hưu trí, ... đều thực hiện đầy đủ cho người lao động.

c) Hoạt động đào tạo người lao động:

Công ty rất coi trọng công tác đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn của cán bộ công nhân viên, thường xuyên tổ chức cho cán bộ, nhân viên các bộ phận tham gia các lớp tập huấn nghiệp vụ... Bên cạnh đó, chất lượng của đội ngũ quản lý được chú trọng nâng cao bằng nhiều chương trình đào tạo cơ bản và thực tế bằng nhiều hình thức.

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương:

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng: Trong năm Công ty không phát sinh.

6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN: Không có

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc:

Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Thủy điện Điện lực Đắk Lắk;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2019 của Công ty Cổ phần Thủy điện Điện lực Đắk Lắk;

Căn cứ kết quả sản xuất kinh doanh năm 2019 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn thuế ATAX

Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Điện lực Đắk Lắk báo cáo về kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019 gồm các nội dung sau:

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Phân tích tổng quan về hoạt động của công ty so với kế hoạch năm 2019 đã được phê duyệt tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019:

- Tổng sản lượng điện thương phẩm: 23.292.779 kWh vượt 10,92% so với Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2019.

- Tổng doanh thu: 26.274 triệu đồng, vượt 8,91% so với Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2019.

- Tổng lợi nhuận sau thuế: 6.350 triệu đồng, vượt 41,32% so với Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2019.

- Lãi cơ bản trên cổ phiếu: 2.074 đồng/cổ phiếu

Những tiến bộ công ty đã đạt được:

* Những cải tiến về cơ cấu tổ chức

- Bộ máy quản lý gọn nhẹ mà hiệu quả, đội ngũ CBCNV trẻ, khỏe, có trình độ chuyên môn vững vàng, được đào tạo bài bản, nhiệt tình, có trách nhiệm trong công việc và có tinh thần đoàn kết tập thể rất cao.

- Chất lượng của đội ngũ quản lý được chủ trọng nâng cao bằng nhiều chương trình đào tạo cơ bản và thực tế.

* Về trách nhiệm xã hội:

Bên cạnh các hoạt động kinh doanh, Công ty Cổ phần Thủy điện Điện lực Đắk Lắk luôn hoàn thành đầy đủ nghĩa vụ thuế đối với Nhà nước, nghĩa vụ với người lao động.

* Các biện pháp kiểm soát:

Thực hiện nghiêm túc các chế độ báo cáo của Ban điều hành đối với Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát. Các báo cáo với các cơ quan cấp trên và Ban Ngành liên quan được thực hiện đầy đủ.

2. **Tình hình tài chính:**

a) **Tình hình tài sản:**

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Khoản mục	Năm 2018	Năm 2019	Tỷ lệ tăng/giảm
1	Tài sản ngắn hạn	14.454	13.117	-9,25%
2	Tài sản dài hạn	88.147	82.391	-6,53%
	Tổng cộng	102.601	95.508	-6,91%

Giá trị tài sản cố định của Công ty tại thời điểm 31/12/2019:

*** Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	P.tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	82.741.128.091	46.607.200.737	784.268.650	36.026.328	130.168.623.806
Mua sắm trong năm	-	-	-	-	-
XDCB hoàn thành	-	255.329.653	-	-	255.329.653
T/lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Số cuối năm	82.741.128.091	46.862.530.390	784.268.650	36.026.328	130.423.953.459
<i>Trong đó:</i>					
- Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	-	-	36.026.328	36.026.328
- Chờ thanh lý	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	22.482.128.027	20.600.106.698	313.266.526	36.026.328	43.431.527.579
Khấu hao trong năm	2.964.726.947	2.390.346.141	80.124.049	-	5.435.197.137
T/lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Số cuối năm	25.446.854.974	22.990.452.839	393.390.575	36.026.328	48.866.724.716
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	60.259.000.064	26.007.094.039	471.002.124	-	86.737.096.227
Số cuối năm	57.294.273.117	23.872.077.551	390.878.075	-	81.557.228.743

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 80.192.728.555 đồng đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Phương Đông – Chi nhánh Đắk Lắk (Xem tại Thuyết minh số V.15).

*** Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	76.695.049	80.000.000	156.695.049
Mua trong năm	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
Số cuối kỳ	76.695.049	80.000.000	156.695.049
<i>Trong đó:</i>			
- Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	80.000.000	80.000.000
- Chờ thanh lý	-	-	-
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	-	80.000.000	80.000.000
Khấu hao trong năm	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
Số cuối kỳ	-	80.000.000	80.000.000
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	76.695.049	-	76.695.049
Số cuối năm	76.695.049	-	76.695.049

b) Tình hình nợ phải trả:

Đơn vị tính: Đồng

STT	Khoản mục	Số đầu năm	Số cuối năm	Tỷ lệ tăng/ giảm
1	Nợ ngắn hạn	7.436.804.177	3.488.829.922	-53,09%
2	Nợ dài hạn	60.077.398.337	56.124.008.337	-6,58%
	Tổng cộng	67.514.202.514	59.612.838.259	-11,07%

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

Với bộ máy quản lý gọn nhẹ mà hiệu quả, đội ngũ CBCNV trẻ, khoẻ, có trình độ chuyên môn vững vàng, được đào tạo bài bản, nhiệt tình, có trách nhiệm trong công việc và có tinh thần đoàn kết tập thể rất cao. Mặt khác, trong năm công ty đã xây dựng các kế hoạch tài chính, khai thác và sử dụng có hiệu quả nguồn vốn, cắt giảm các chi phí không cần thiết, từ đó nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

Hiện nay, do tình hình thời tiết diễn biến có xu hướng bất lợi cho công tác vận hành thủy điện nên dự kiến trong năm 2020 Công ty vẫn chưa thực hiện thêm dự án thủy điện nào khác.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: Không có

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty:

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...):

- Các chỉ tiêu tiêu thụ nước, điện, xăng dầu của Công ty đang ở mức trung bình.
- Công ty chỉ phát thải ra môi trường thông qua việc sử dụng ô tô cho hoạt động của Công ty.

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động:

- 100% CBCNV được bố trí việc làm đầy đủ, phù hợp với chuyên môn, được đóng BHXH đầy đủ và mua bảo hiểm kết hợp con người cho tất cả CBCNV Công ty.
- Công ty thực hiện trả lương cho người lao động theo đúng quy chế trả lương, đảm bảo trả lương đúng thời hạn, theo chức danh công việc.

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương: Không có.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty:

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:

Sau khi đi vào hoạt động đến nay, Công ty Cổ phần Thủy điện Điện lực Đắk Lắk đã gặt hái được những thành công nhất định. Công tác sản xuất kinh doanh ngày càng ổn định. Công ty đã xây dựng mô hình cơ cấu tổ chức theo hướng tinh gọn và chuyên nghiệp. Tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ công nhân viên để ngày càng có trình độ chuyên môn vững vàng.

Những nét nổi bật của kết quả hoạt động trong năm 2019, tình hình thực hiện so với kế hoạch: (lợi nhuận, tình hình tài chính của công ty tại thời điểm cuối năm 2019)

- Tổng sản lượng điện thương phẩm: 23.292.779 kWh vượt 10,92% so với Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2019.

- Tổng doanh thu: 26.274 triệu đồng, vượt 8,91% so với Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2019.

- Tổng lợi nhuận sau thuế: 6.350 triệu đồng, vượt 41,32% so với Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2019.

- Lãi cơ bản trên cổ phiếu: 2.074 đồng/cổ phiếu

2. **Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty:**

Hội đồng quản trị công ty gồm 03 thành viên, nhưng với quyết tâm rất cao, Hội đồng quản trị đã chỉ đạo Ban Giám đốc và toàn thể CBCNV chủ động đối mặt với khó khăn, nỗ lực thực hiện các biện pháp nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh. Kết quả là đã hoàn thành tất cả các chỉ tiêu kinh tế và các nội dung đã đề ra trong Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019. Trong năm 2019 không có sự thay đổi về cơ cấu nhân sự.

Công tác chỉ đạo điều hành sản xuất của công ty tiếp tục ổn định và ngày càng phát huy tác dụng, làm cho hiệu quả công việc ngày càng được cải thiện và tiết kiệm chi phí hoạt động. Công ty đã không ngừng đổi mới công tác quản lý, xây dựng văn hoá doanh nghiệp...

3. **Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:**

- Mục tiêu quan trọng trong năm 2020 và các năm tới là duy trì ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty bằng việc vận hành an toàn và hiệu quả nhà máy thủy điện Ea Đrăng 2.

Mục tiêu kinh doanh 2020:

+ Tổng sản lượng	:	23.500.000 kWh.
+ Tổng doanh thu	:	26.424.492.000 đồng
+ Lợi nhuận trước thuế	:	6.499.877.000 đồng
+ Thuế TNDN	:	338.643.850 đồng
+ Lợi nhuận sau thuế	:	6.161.233.150 đồng
+ Lãi cơ bản trên cổ phiếu	:	2.012 đồng/cổ phiếu

V. Quản trị công ty:

1. Hội đồng quản trị:

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

TT	Họ và tên	Chức vụ	Điều hành/ Độc lập không điều hành	Chức vụ tại các tổ chức khác	Số cổ phần sở hữu
1	Nguyễn Đức Trọng	Chủ tịch HĐQT	Không điều hành	Không	70.000 CP chiếm 2,432%
2	Nguyễn Quang Toàn	Thành viên HĐQT	Giám đốc	Không	132.000 CP chiếm 4,587%
3	Bùi Văn Tuấn	Thành viên HĐQT	Phó giám đốc	Không	89.400 CP chiếm 3,107%

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có.

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Năm 2019 Hội đồng quản trị đã tổ chức 07 cuộc họp HĐQT để triển khai thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019, thông qua kế hoạch và các báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh quý, năm.

Qua các cuộc họp, HĐQT đã quyết định được các vấn đề sau:

STT	Số nghị quyết/ biên bản	Ngày	Nội dung
1	Biên bản họp số: 01/2019/BB- HĐQT	08/01/2019	Thông qua Báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh quý 4/2018, và kế hoạch sản xuất kinh doanh quý 1/2019. Thông qua báo cáo của Giám đốc về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2018 và kế hoạch năm 2019
2	Biên bản họp số: 02/2019/BB- HĐQT	01/03/2019	Thông qua kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019. Ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền tham dự đại hội: 25/03/2019. Ngày tổ chức đại hội: 20/04/2019. Địa điểm tại TP Buôn Ma Thuột tỉnh Đắk Lắk (Địa chỉ cụ thể sẽ thông báo trong thư mời). Thống nhất các Tài liệu trình trong Đại hội. Giao cho Giám đốc Công ty triển khai thực hiện theo quy định hiện hành.
3	Nghị quyết số: 25/2019/NQ- HĐQT	01/03/2019	Về việc: Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019
4	Biên bản họp số: 03/2019/BB- HĐQT	19/04/2019	Thông qua Báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh quý 1/2019, và kế hoạch sản xuất kinh doanh quý 2/2019. Thống nhất theo sự phân công nhiệm vụ của Chủ tịch HĐQT cho từng thành

			viên phục vụ chương trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019
5	Biên bản họp số: 04/2019/BB- HĐQT	22/04/2019	Thông qua việc thực hiện chi trả cổ tức phần còn lại của năm 2018
6	Nghị quyết số: 56/2019/NQ- HĐQT	22/04/2019	Về việc thực hiện chi trả cổ tức phần còn lại của năm 2018
7	Biên bản họp số: 05/2019/BB- HĐQT	02/05/2019	Giao cho giám đốc Công ty lên phương án làm điện áp mái tại khu vực Nhà máy thủy điện Ea Đrăng 2. Tận dụng nguồn vốn có sẵn và vay vốn lưu động ngắn hạn. Công suất khoảng 200kw
8	Biên bản họp số: 06/2019/BB- HĐQT	18/07/2019	Thông qua Báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh quý 2/2019, và kế hoạch sản xuất kinh doanh quý 3/2019. Về phương án điện áp mái tại khu vực Nhà máy thủy điện Ea Đrăng 2 tạm dừng chờ có giá bán điện mới.
9	Biên bản họp số: 07/2019/BB- HĐQT	25/10/2019	Chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019 là Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn Chuẩn Việt tại Đà Nẵng. Thông qua Báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh quý 3/2019, và kế hoạch sản xuất kinh doanh quý 4/2019
10	Nghị quyết số: 108/2019/NQ- HĐQT	28/10/2019	Về việc: lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành:

Các thành viên hội đồng quản trị không điều hành hoạt động với vai trò giám sát, phản biện khi cần thiết đối với các hoạt động của HĐQT, nhằm đảm bảo HĐQT hoạt động theo đúng pháp luật, điều lệ công ty, phù hợp với các chủ trương, định hướng đã đề ra của ĐHCĐ, HĐQT.

e) Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: Không có.

2. Ban Kiểm soát:

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

Tên	Chức vụ	Năm sinh	Tỷ lệ năm giữ	Ngày bổ nhiệm/Tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Lê Nữ Hồng Nhung	Trưởng ban	1976	0,243%	24/04/2017	

Nguyễn Văn Vinh	Thành viên	1964	0,243%	24/04/2017	
Hoàng Thị Thu Trang	Thành viên	1980	0%	24/04/2017	

b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

- Năm 2019 Ban Kiểm soát đã thực hiện các nhiệm vụ theo Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát.

- Đại diện Ban Kiểm soát đã tham gia đầy đủ và đóng góp ý kiến vào các cuộc họp của HĐQT, theo sát tình hình hoạt động và định hướng phát triển của Công ty và tình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019.

- Xem xét việc chỉ đạo và triển khai hoạt động của HĐQT và Ban Giám đốc.

- Xem xét các báo cáo về công tác quản lý, điều hành, báo cáo về tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng tháng, hàng quý và báo cáo kiểm toán năm 2019 của Công ty.

3. **Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát:**

a) **Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:**

* Thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho từng thành viên HĐQT, Ban kiểm soát được Đại hội cổ đông thường niên thông qua, cụ thể:

- Chủ tịch HĐQT: 5.000.000 đồng/tháng.
- Thành viên HĐQT: 3.000.000 đồng/tháng.
- Trưởng Ban kiểm soát: 3.000.000 đồng/tháng.
- Thành viên Ban Kiểm soát: 1.500.000 đồng/tháng.
- Thư ký: 1.500.000 đồng/tháng.

* Đối với Ban Giám đốc, Kế Toán trưởng và các cán bộ quản lý, nhân viên khác của công ty thì chế độ về lương được chia quy đổi theo Hệ thống thang lương, bảng lương và các chế độ phụ cấp lương trong các công ty nhà nước ban hành tại Nghị định số 205/2004/NĐ-CP, ngày 14/12/2004 của Chính phủ. Tổng quỹ lương Công ty được xác định bằng 7% trên doanh thu bán điện thương phẩm nhưng không thấp hơn 1.500.000.000 đồng.

b) **Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ** : Trong năm không có giao dịch

c) **Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ**: Không có.

VI. **Báo cáo tài chính:**

1. **Ý kiến của kiểm toán:**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thủy điện Điện lực Đắk Lắk tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho

năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán (Đính kèm)

**XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Quang Hoàn

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (**VIETVALUES**®)

Công ty thành viên của JPA International

Địa chỉ đăng ký : 33 Phan Văn Khỏe, phường 13, quận 5, Tp.HCM

Chi nhánh Đà Nẵng : 63/5 Trần Quốc Toản, Phường Phước Ninh,

Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Email : contact@vietvalues.com

Website : www.vietvalues.com



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐIỆN LỰC ĐÀK LAK

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
1. Báo cáo của Ban Giám đốc	02 - 04
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	05 - 06
3. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019	07 - 08
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019	09
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019	10
6. Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019	11 - 31

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐIỆN LỰC ĐẮK LẮK

Phòng 6, tầng 2, khu B, Chung cư Hoàng Anh Gia Lai, 33 Nguyễn Công Trứ, phường TỰ AN, TP. BỒN MA THUỘT, tỉnh ĐẮK LẮK, Việt Nam

Báo cáo của Ban Giám đốc

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Điện lực Đak Lak (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

1. Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Thủy điện Điện lực Đak Lak (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty cổ phần, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 6000596136 ngày 31/10/2006 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh ĐẮK LẮK, theo Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ ngày thành lập cho đến nay, Công ty đã 06 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 19/05/2016.

Vốn điều lệ: 28.778.000.000 đồng

Vốn góp thực tế đến ngày 31/12/2019: 28.778.000.000 đồng

2. Trụ sở hoạt động

- Địa chỉ : Phòng 6, tầng 2, Chung cư Hoàng Anh Gia Lai, 33 Nguyễn Công Trứ, phường TỰ AN, TP. BỒN MA THUỘT, tỉnh ĐẮK LẮK, Việt Nam
- Điện thoại : (+84) 0262 – 2 240 159
- Fax : (+84) 0262 – 3 950 817

3. Ngành nghề kinh doanh chính: Đầu tư, xây dựng, khai thác và quản lý vận hành nhà máy thủy điện,...

4. Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban điều hành

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban điều hành của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

4.1. Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/Tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Đức Trọng	Chủ tịch	24/04/2017	
Ông Nguyễn Quang Toàn	Thành viên	24/04/2017	
Ông Bùi Văn Tuấn	Thành viên	24/04/2017	

4.2. Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/Tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Lê Nữ Hồng Nhung	Trưởng ban	24/04/2017	
Ông Nguyễn Văn Vinh	Thành viên	24/04/2017	
Bà Hoàng Thị Thu Trang	Thành viên	24/04/2017	



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐIỆN LỰC ĐAK LAK

Phòng 6, tầng 2, khu B, Chung cư Hoàng Anh Gia Lai, 33 Nguyễn Công Trứ, phường Tự An, Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam

Báo cáo của Ban Giám đốc (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

4.3. Ban điều hành

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/Tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Quang Toàn	Giám đốc	24/04/2017	
Ông Bùi Văn Tuấn	Phó Giám đốc	28/08/2007	
Bà Mai Thị Thu Thảo	Kế toán trưởng	24/04/2017	

5. Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Quang Toàn	Giám đốc

6. Đánh giá tình hình hoạt động

Kết quả hoạt động và tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thủy điện Điện lực Đak Lak cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 được thể hiện trong Báo cáo tài chính từ trang 07 đến trang 31.

7. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Theo ý kiến của Ban Giám đốc Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào phát sinh từ ngày kết thúc niên độ kế toán cho đến ngày lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính

8. Kiểm toán viên

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt tại Đà Nẵng - **VIETVALUES** được chỉ định thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 của Công ty. Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt tại Đà Nẵng - **VIETVALUES** bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

9. Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính.
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐIỆN LỰC ĐẮK LẮK

Phòng 6, tầng 2, khu B, Chung cư Hoàng Anh Gia Lai, 33 Nguyễn Công Trứ, phường Tự An, Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam

Báo cáo của Ban Giám đốc (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Ban Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

10. Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



NGUYỄN QUANG TOÀN

Giám đốc

Tp. Buôn Ma Thuột, ngày 25 tháng 02 năm 2020



Số: 02/2020/BCKT/AUD-DNVVLUES

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐIỆN LỰC ĐẮK LẮK**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Thủy điện Điện lực Đak Lak (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 25 tháng 02 năm 2020, từ trang 07 đến trang 31, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thủy điện Điện lực Đak Lak tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

TP. Đà Nẵng, ngày 25 tháng 02 năm 2020

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt tại Đà Nẵng-**VIETVALUES**



Trần Xuân Thạnh - P.Giám đốc Chi nhánh

Giấy CNĐKHN số: 1650-2018-071-1

Chữ ký được uỷ quyền

Huỳnh Minh Hưng - Kiểm toán viên

Giấy CNĐKHN số: 3402-2020-071-1

Nơi nhận:

- Như trên.
- Lưu **VIETVALUES**.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

ĐVT: VNĐ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		13.117.212.858	14.454.230.222
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.1	7.769.907.281	10.646.799.572
111	1. Tiền		3.265.589.848	3.039.912.372
112	2. Các khoản tương đương tiền		4.504.317.433	7.606.887.200
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		-	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		4.798.400.494	3.258.448.026
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.2	4.673.522.007	3.131.008.412
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.3	105.000.000	105.000.000
133	3. Phải thu nội bộ ngắn hạn		-	-
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	V.4	19.878.487	22.439.614
137	5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi		-	-
139	6. Tài sản thiếu chờ xử lý		-	-
140	IV. Hàng tồn kho		548.750.000	548.750.000
141	1. Hàng tồn kho	V.5	548.750.000	548.750.000
142	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		-	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		155.083	232.624
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		-	-
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		-	-
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	V.11	155.083	232.624
154	4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ		-	-
155	5. Tài sản ngắn hạn khác		-	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		82.390.935.528	88.147.343.135
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		-	-
220	II. Tài sản cố định		81.633.923.792	86.813.791.276
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.6	81.557.228.743	86.737.096.227
222	- Nguyên giá		130.423.953.459	130.168.623.806
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(48.866.724.716)	(43.431.527.579)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính		-	-
227	3. Tài sản cố định vô hình	V.7	76.695.049	76.695.049
228	- Nguyên giá		156.695.049	156.695.049
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(80.000.000)	(80.000.000)
230	III. Bất động sản đầu tư		-	-
231	- Nguyên giá		-	-
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		-	-
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		-	237.439.653
241	1. Chi phí SXKD dở dang dài hạn		-	-
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.8	-	237.439.653
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn		-	-
260	VI. Tài sản dài hạn khác		757.011.736	1.096.112.206
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.9	757.011.736	1.096.112.206
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		-	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		95.508.148.386	102.601.573.357

CÔNG TY CP THỦY ĐIỆN ĐIỆN LỰC ĐẮK LẮK

Địa chỉ: Phòng 6, tầng 2, khu B, Chung cư Hoàng Anh Gia Lai, 33 Nguyễn Công Trứ, P. Tự An, tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk, VN

Kết quả hoạt động kinh doanh

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

ĐVT: VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	26.092.365.066	29.171.104.009
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		26.092.365.066	29.171.104.009
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.2	11.366.666.082	12.066.230.770
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		14.725.698.984	17.104.873.239
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.3	182.057.071	320.576.071
22	7. Chi phí tài chính	VI.4	6.465.754.646	6.702.523.871
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		6.465.754.646	6.702.523.871
25	8. Chi phí bán hàng		-	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.5	1.690.419.942	1.849.888.675
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		6.751.581.467	8.873.036.764
31	11. Thu nhập khác	VI.6	209.400.000	18.378.334
32	12. Chi phí khác		262.341.511	-
40	13. Lợi nhuận khác		(52.941.511)	18.378.334
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		6.698.639.956	8.891.415.098
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	V.11	348.726.672	461.004.450
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		6.349.913.284	8.430.410.648
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.7	2.074	2.754
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	VI.8	2.074	2.754

Tp. Buôn Ma Thuột, ngày 25 tháng 02 năm 2020

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám Đốc





HỒ THỊ THANH THỦY

MAI THỊ THU THẢO

NGUYỄN QUANG TOÀN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

ĐVT: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		6.698.639.956	8.891.415.098
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	V.6, V.7	5.435.197.137	5.414.694.900
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(182.057.071)	(320.576.071)
06	- Chi phí lãi vay	VI.4	6.465.754.646	6.702.523.871
07	- Các khoản điều chỉnh khác		-	-
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		18.417.534.668	20.688.057.798
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(1.554.436.054)	1.567.644.202
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		-	(99.590.000)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)		(1.109.393.454)	(1.813.980.502)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		339.100.470	(765.799.480)
13	- Tăng giảm chứng khoán kinh doanh			
14	- Tiền lãi vay đã trả		(6.469.914.119)	(6.708.259.382)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	V.11	(320.000.000)	(270.000.000)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	-
17	- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(414.556.000)	(587.684.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		8.888.335.511	12.010.388.636
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(17.890.000)	(338.232.273)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	-
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	-
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		196.618.198	342.304.976
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		178.728.198	4.072.703
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
32	2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	3. Tiền thu từ đi vay		-	-
34	4. Tiền trả nợ gốc vay	VII.1	(4.046.650.000)	(5.482.090.000)
35	5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		-	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(7.897.306.000)	(10.907.482.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(11.943.956.000)	(16.389.572.000)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(2.876.892.291)	(4.375.110.661)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		10.646.799.572	15.021.910.233
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	V.1	7.769.907.281	10.646.799.572

Tp. Buôn Ma Thuột, ngày 25 tháng 02 năm 2020

Người lập biểu

Kế toán trưởng




HỒ THỊ THANH THỦY

MAI THỊ THU THẢO



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc kèm với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thủy điện Điện lực Đak Lak (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty cổ phần, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 6000596136 ngày 31/10/2006 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk, Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ ngày thành lập cho đến nay, Công ty đã 06 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 19/05/2016.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty kinh doanh trong lĩnh vực khai thác và sản xuất điện năng.

3. Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là đầu tư, xây dựng, khai thác và quản lý vận hành nhà máy thủy điện,...

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong năm, không có sự kiện về môi trường pháp lý, diễn biến thị trường, đặc điểm hoạt động kinh doanh, quản lý, tài chính, các sự kiện sáp nhập, chia, tách, thay đổi qui mô... có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính của Công ty.

6. Cấu trúc Công ty

Công ty không có đơn vị trực thuộc không có pháp nhân hạch toán phụ thuộc và không đầu tư vào công ty con và công ty liên kết.

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Số liệu so sánh trình bày trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 so sánh được với số liệu tương ứng của năm trước.

8. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 16 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 17 nhân viên).

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

Hình thức kế toán áp dụng: Chứng từ ghi sổ

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Theo đó, bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2019, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và tiền đang chuyển, vàng tiền tệ.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐIỆN LỰC ĐẮK LẮK

Phòng 6, tầng 2, khu B, Chung cư Hoàng Anh Gia Lai, 33 Nguyễn Công Trứ, phường Tụ An, Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường/chi phí quyền sử dụng đất, các chi phí trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình đầu tư xây dựng thành phẩm bất động sản.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐIỆN LỰC ĐẮK LẮK

Phòng 6, tầng 2, khu B, Chung cư Hoàng Anh Gia Lai, 33 Nguyễn Công Trứ, phường Tự An, Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

5. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 36 tháng.

Chi phí trồng bù rừng

Chi phí trồng bù rừng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng tương ứng thời gian sử dụng hữu ích của tài sản thuộc dự án thủy điện.

6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư 45/2014/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2014 của Bộ Tài chính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm/Năm nay</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 30
Máy móc và thiết bị	10 - 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	8 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	Hết khấu hao

7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐIỆN LỰC ĐAK LAK

Phòng 6, tầng 2, khu B, Chung cư Hoàng Anh Gia Lai, 33 Nguyễn Công Trứ, phường Tự An, Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời hạn sử dụng đất ghi trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

9. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

10. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐIỆN LỰC ĐAK LAK

Phòng 6, tầng 2, khu B, Chung cư Hoàng Anh Gia Lai, 33 Nguyễn Công Trứ, phường Tự An, Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

11. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

12. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Doanh thu bán thành phẩm điện năng

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

13. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu là các khoản được điều chỉnh giảm trừ vào tổng doanh thu trong năm bao gồm các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại.

14. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng giá vốn của giá thành sản xuất của thành phẩm đã bán, chi phí khác được tính vào giá vốn hoặc ghi giảm giá vốn hàng bán.

15. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính là những chi phí liên quan đến hoạt động tài chính gồm các khoản chi phí hoặc lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính và đi vay vốn, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán.

16. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của Công ty.

17. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập DN hiện hành và thuế thu nhập DN hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

19. Báo cáo theo bộ phận

- Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.
- Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐIỆN LỰC ĐAK LAK

Phòng 6, tầng 2, khu B, Chung cư Hoàng Anh Gia Lai, 33 Nguyễn Công Trứ, phường Tự An, Tp. Buôn Ma Thuột,
tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (đơn vị tính: VNĐ)
1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	3.260.997	3.151.206
Tiền gửi ngân hàng	3.262.328.851	3.036.761.166
Các khoản tương đương tiền (*)	4.504.317.433	7.606.887.200
Cộng	<u>7.769.907.281</u>	<u>10.646.799.572</u>

(*) Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi kỳ hạn có thời hạn < 3 tháng.

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<i>4.673.522.007</i>	<i>3.131.008.412</i>
- Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	4.673.522.007	3.131.008.412
Cộng	<u>4.673.522.007</u>	<u>3.131.008.412</u>

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	-	-
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	<i>105.000.000</i>	<i>105.000.000</i>
- Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư và Thương mại	90.000.000	90.000.000
- Các nhà cung cấp khác	15.000.000	15.000.000
Cộng	<u>105.000.000</u>	<u>105.000.000</u>

4. Phải thu ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>7.878.487</i>	-	<i>22.439.614</i>	-
- Lãi dự thu	7.878.487	-	22.439.614	-
<i>Tạm ứng CBCNV</i>	<i>12.000.000</i>	-	-	-
Cộng	<u>19.878.487</u>	<u>-</u>	<u>22.439.614</u>	<u>-</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐIỆN LỰC ĐẮK LẮK

Phòng 6, tầng 2, khu B, Chung cư Hoàng Anh Gia Lai, 33 Nguyễn Công Trứ, phường Tự An, Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	548.750.000	-	548.750.000	-
Cộng	548.750.000	-	548.750.000	-

6. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	P.tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	82.741.128.091	46.607.200.737	784.268.650	36.026.328	130.168.623.806
Mua sắm trong năm	-	-	-	-	-
XDCB hoàn thành	-	255.329.653	-	-	255.329.653
T/lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Số cuối năm	82.741.128.091	46.862.530.390	784.268.650	36.026.328	130.423.953.459
<i>Trong đó:</i>					
- Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	-	-	36.026.328	36.026.328
- Chờ thanh lý	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	22.482.128.027	20.600.106.698	313.266.526	36.026.328	43.431.527.579
Khấu hao trong năm	2.964.726.947	2.390.346.141	80.124.049	-	5.435.197.137
T/lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Số cuối năm	25.446.854.974	22.990.452.839	393.390.575	36.026.328	48.866.724.716
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	60.259.000.064	26.007.094.039	471.002.124	-	86.737.096.227
Số cuối năm	57.294.273.117	23.872.077.551	390.878.075	-	81.557.228.743

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 80.192.728.555 đồng đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Phương Đông – Chi nhánh Đắk Lắk (Xem tại Thuyết minh số V.15).

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐIỆN LỰC ĐẮK LẮK

Phòng 6, tầng 2, khu B, Chung cư Hoàng Anh Gia Lai, 33 Nguyễn Công Trứ, phường Tự An, Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

7. Tài sản cố định vô hình

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Phần mềm quản lý</u>	<u>Tổng cộng</u>
Nguyên giá			
Số đầu năm	76.695.049	80.000.000	156.695.049
Mua trong năm	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
Số cuối kỳ	76.695.049	80.000.000	156.695.049
<i>Trong đó:</i>			
- Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	80.000.000	80.000.000
- Chờ thanh lý	-	-	-
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	-	80.000.000	80.000.000
Khấu hao trong năm	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
Số cuối kỳ	-	80.000.000	80.000.000
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	76.695.049	-	76.695.049
Số cuối năm	76.695.049	-	76.695.049

Quyền sử dụng đất tại Chung cư Hoàng Anh Gia Lai, 38 Nguyễn Công Trứ, Phường Tự An, TP Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk; được sử dụng để làm văn phòng Công ty, thời gian sử dụng lâu dài.

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong năm</u>	<u>Kết chuyển vào TSCĐ trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Mua sắm tài sản cố định	-	-	-	-
Xây dựng cơ bản dở dang	237.439.653	17.890.000	255.329.653	-
- Lắp đặt thiết bị kết nối Scada	237.439.653	17.890.000	255.329.653	-
Cộng	237.439.653	17.890.000	255.329.653	-

9. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Giá trị công cụ dụng cụ chờ phân bổ	81.337.779	146.849.550
Chi phí sửa chữa tài sản	143.064.270	381.073.653
Chi phí trồng bù rừng	532.479.077	567.535.889
Chi phí dài hạn khác	130.610	653.114
Cộng	757.011.736	1.096.112.206

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐIỆN LỰC ĐẮK LẮK

Phòng 6, tầng 2, khu B, Chung cư Hoàng Anh Gia Lai, 33 Nguyễn Công Trứ, phường Tụ An, Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tình hình biến động chi phí trả trước dài hạn

	Năm nay	Năm trước
Số dư đầu năm	1.096.112.206	330.312.726
Tăng trong năm	17.900.000	1.020.553.682
Phân bổ trong năm	(357.000.470)	(254.754.202)
Số dư cuối năm	757.011.736	1.096.112.206

10. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các người bán khác</i>	<i>1.000.000.000</i>	<i>2.252.917.114</i>
- Công ty TNHH Một thành viên Xây dựng 470	1.000.000.000	2.252.917.114
Cộng	1.000.000.000	2.252.917.114

11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	859.241.425	-	2.469.424.820	1.981.812.750	1.346.853.495	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	182.724.555	-	348.726.672	320.000.000	211.451.227	-
Thuế thu nhập cá nhân	2.400.000	-	441.782.395	437.337.972	6.844.423	-
Thuế tài nguyên	93.153.152	-	2.165.436.739	2.003.000.523	255.589.368	-
Thuế nhà đất	-	232.624	77.541	-	-	155.083
Các loại thuế khác	-	-	26.020.000	26.020.000	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	291.119.000	291.119.000	-	-
Cộng	1.137.519.132	232.624	5.742.587.167	5.059.290.245	1.820.738.513	155.083

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng đối với điện thương phẩm là 10%; các hoạt động khác áp dụng theo mức thuế suất quy định hiện hành.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Riêng đối với thu nhập từ dự án Nhà máy thủy điện Ea Đrăng 2 tại xã Ea Wy, huyện Ea H'Leo, tỉnh Đắk Lắk thì được áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 10% trong 15 năm kể từ khi bắt đầu hoạt động kinh doanh (từ năm 2011 đến năm 2026), được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 04 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 9 năm tiếp theo. Năm 2014 là năm Công ty có thu nhập chịu thuế từ dự án này, do vậy Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp từ năm 2014 đến năm 2017 và được giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp từ năm 2018 đến năm 2026. Những ưu đãi trên được quy định tại Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/06/2014 của Bộ tài chính về việc hướng dẫn thi hành Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định và hướng dẫn thu hành Luật thuế Thu nhập doanh nghiệp.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐIỆN LỰC ĐẮK LẮK

Phòng 6, tầng 2, khu B, Chung cư Hoàng Anh Gia Lai, 33 Nguyễn Công Trứ, phường Tụ An, Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được xác định như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	6.698.639.956	8.891.415.098
- Hoạt động kinh doanh chính	6.698.639.956	8.873.036.764
- Hoạt động khác	-	18.378.334
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để	275.893.477	273.538.897
- Các khoản điều chỉnh tăng	275.893.477	273.538.897
+ Chi phí điều chỉnh tăng khi tính thuế	275.893.477	273.538.897
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	6.974.533.433	9.164.953.995
Thu nhập được miễn thuế	-	-
Lỗi các năm trước được chuyển	-	-
Thu nhập tính thuế	6.974.533.433	9.164.953.995
- Hoạt động kinh doanh chính	6.974.533.433	9.146.575.661
- Hoạt động khác	-	18.378.334
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	697.453.344	918.333.234
- Hoạt động kinh doanh chính	697.453.344	914.657.567
- Hoạt động khác	-	3.675.667
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm	348.726.672	457.328.784
Chi phí thuế TNDN hiện hành	348.726.672	461.004.450

Tiền thuê đất, tiền sử dụng đất

Đối với đất sử dụng thuộc Dự án Nhà máy thủy điện Ea Drăng 2 tại xã Ea Wy, huyện Ea H'Leo, tỉnh Đắk Lắk được miễn tiền thuê đất đối với diện tích được giao. Mặt khác, Công ty còn được miễn tiền phí sử dụng đất phi nông nghiệp trong suốt quá trình hoạt động của dự án.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

12. Phải trả người lao động

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền lương phải trả	197.354.633	543.905.162
Cộng	197.354.633	543.905.162

13. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trích trước chi phí lãi vay	62.938.860	67.098.333
Cộng	62.938.860	67.098.333

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐIỆN LỰC ĐẮK LẮK

Phòng 6, tầng 2, khu B, Chung cư Hoàng Anh Gia Lai, 33 Nguyễn Công Trứ, phường Tự An, Tp. Buôn Ma Thuột,
tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

14. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	170.407.916	3.195.982.436
- BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ	26.903.708	26.592.276
- Cổ tức phải trả	44.802.000	2.905.958.000
- Quỹ Bảo vệ Phát triển Rừng tỉnh Đắk Lắk (*)	98.702.208	263.432.160
Cộng	170.407.916	3.195.982.436

(*) Là khoản phí dịch vụ môi trường rừng còn phải trả Quỹ bảo vệ Phát triển Rừng tỉnh Đắk Lắk.

15. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn/dài hạn**15a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>Vay ngắn hạn ngân hàng</i>	-	-	-	-
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	-	-	93.260.000	93.260.000
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín- Chi nhánh Đắk Lắk	-	-	93.260.000	93.260.000
- Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Đắk Lắk	-	-	-	-
Cộng	-	-	93.260.000	93.260.000

15b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>Vay dài hạn ngân hàng</i>				
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín- Chi nhánh Đắk Lắk	-	-	-	-
- Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Đắk Lắk	56.124.008.337	56.124.008.337	60.077.398.337	60.077.398.337
Cộng	56.124.008.337	56.124.008.337	60.077.398.337	60.077.398.337

Vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Phương Đông Việt Nam – Chi nhánh Đắk Lắk được thể hiện tại Hợp đồng tín dụng 0015/2015/HĐTD-ĐN ngày 10/04/2015, nội dung cụ thể như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐIỆN LỰC ĐAK LAK

Phòng 6, tầng 2, khu B, Chung cư Hoàng Anh Gia Lai, 33 Nguyễn Công Trứ, phường Tự An, Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Mục đích vay: tái tài trợ khoản vay chi phí đầu tư dự án thủy điện Ea Drăng 2 tại huyện Ea H'Leo, tỉnh Đắk Lắk
- Thời hạn vay: 192 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên.
- Lãi suất: 8,5% cố định trong vòng 12 tháng đầu tiên. Từ tháng 13 trở đi áp dụng lãi suất thả nổi.
- Tài sản thế chấp: được thể hiện tại Hợp đồng thế chấp số 0015/2015/BĐ ngày 29/06/2015 và Hợp đồng thế chấp số 0015.2/2015/BĐ ngày 29/06/2015 với giá trị còn lại của TSCĐ dùng để thế chấp các khoản vay là 80.192.728.555 đồng (Xem thuyết minh V.6).

16. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u>	<u>Chi quỹ trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	146.122.000	505.824.000	414.556.000	237.390.000
Cộng	146.122.000	505.824.000	414.556.000	237.390.000

17. Vốn chủ sở hữu**17a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	<u>Vốn góp của chủ sở hữu</u>	<u>Quỹ đầu tư phát triển</u>	<u>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</u>	<u>Cộng</u>
Số đầu năm trước	28.778.000.000	-	8.109.506.195	36.887.506.195
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	8.430.410.648	8.430.410.648
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(733.806.000)	(733.806.000)
Chia cổ tức cho các cổ đông	-	-	(9.496.740.000)	(9.496.740.000)
Số dư cuối năm trước	28.778.000.000	-	6.309.370.843	35.087.370.843
Số dư đầu năm nay	28.778.000.000	-	6.309.370.843	35.087.370.843
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	6.349.913.284	6.349.913.284
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	719.450.000	(719.450.000)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(505.824.000)	(505.824.000)
Chia cổ tức cho các cổ đông	-	-	(5.036.150.000)	(5.036.150.000)
Số dư cuối năm nay	28.778.000.000	719.450.000	6.397.860.127	35.895.310.127

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐIỆN LỰC ĐẮK LẮK

Phòng 6, tầng 2, khu B, Chung cư Hoàng Anh Gia Lai, 33 Nguyễn Công Trứ, phường Tự An, Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

17b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vốn góp của Bà Nguyễn Thị Liên	1.500.000.000	1.500.000.000
Vốn góp của Từ Ngọc Thanh	1.445.000.000	1.432.000.000
Vốn góp của các cổ đông khác	25.833.000.000	25.846.000.000
Cộng	<u>28.778.000.000</u>	<u>28.778.000.000</u>

17c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	28.778.000.000	28.778.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	28.778.000.000	28.778.000.000
- Cổ tức đã chia	5.036.150.000	9.496.740.000

17d. Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.877.800	2.877.800
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.877.800	2.877.800
- Cổ phiếu thường	2.877.800	2.877.800
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu thường	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.877.800	2.877.800
- Cổ phiếu thường	2.877.800	2.877.800
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

17e. Cổ tức

Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên của Công ty số 55/2019/NQ-DHĐCĐ ngày 20/04/2019 đã quyết định chia cổ tức năm 2018 là 27,5%/vốn điều lệ tương ứng số tiền: 7.913.950.000 đồng. Theo đó, trừ đi số đã tạm phân phối trong năm 2018, phần còn lại được phân phối trong năm 2019 là 5.036.150.000 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐIỆN LỰC ĐẮK LẮK

Phòng 6, tầng 2, khu B, Chung cư Hoàng Anh Gia Lai, 33 Nguyễn Công Trứ, phường Tự An, Tp. Buôn Ma Thuột,
tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (đơn vị tính: VNĐ)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán thành phẩm (điện thương phẩm)	26.092.365.066	29.171.104.009
Cộng	<u>26.092.365.066</u>	<u>29.171.104.009</u>

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của thành phẩm (điện thương phẩm)	11.366.666.082	12.066.230.770
Cộng	<u>11.366.666.082</u>	<u>12.066.230.770</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	182.057.071	320.576.071
Cộng	<u>182.057.071</u>	<u>320.576.071</u>

4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	6.465.754.646	6.702.523.871
Cộng	<u>6.465.754.646</u>	<u>6.702.523.871</u>

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên quản lý	787.496.515	872.028.577
Chi phí khấu hao tài sản cố định	97.750.500	97.750.500
Chi phí dịch vụ mua ngoài	163.591.804	167.036.906
Chi phí khác	641.581.123	713.072.692
Cộng	<u>1.690.419.942</u>	<u>1.849.888.675</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐIỆN LỰC ĐAK LAK

Phòng 6, tầng 2, khu B, Chung cư Hoàng Anh Gia Lai, 33 Nguyễn Công Trứ, phường Tụ An, Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Thu tiền bảo hiểm bồi thường	209.400.000	-
Tiền chênh lệch xử lý	-	18.378.334
Cộng	209.400.000	18.378.334

7. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Chi phí khắc phục sự cố do thiên tai	259.400.000	-
Phạt vi phạm hành chính	2.941.511	-
Cộng	262.341.511	-

8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
- Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	6.349.913.284	8.430.410.648
- Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	(380.995.000)	(505.824.000)
+ Khoản chênh lệch lớn hơn giữa giá trị ghi sổ của cổ phiếu ưu đãi với giá trị hợp lý của khoản thanh toán cho người sở hữu	-	-
+ Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi	-	-
+ Khoản chênh lệch lớn hơn giữa giá trị hợp lý của khoản thanh toán cho người sở hữu với giá trị ghi sổ của cổ phiếu ưu đãi	-	-
+ Khoản chênh lệch lớn hơn giữa giá trị hợp lý của cổ phiếu phổ thông hoặc các khoản thanh toán khác thực hiện theo điều kiện chuyển đổi có lợi	-	-
+ Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	(380.995.000)	(505.824.000)
- LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	5.968.918.284	7.924.586.648
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	2.877.800	2.877.800
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng /cổ phiếu)	2.074	2.754

(*) Quỹ khen thưởng, phúc lợi tạm trích tỷ lệ 6% theo kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2019 tại Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên số 55/2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20/04/2019.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐIỆN LỰC ĐẮK LẮK

Phòng 6, tầng 2, khu B, Chung cư Hoàng Anh Gia Lai, 33 Nguyễn Công Trứ, phường Tự An, Tp. Buôn Ma Thuột,
tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cổ phiếu lưu hành bình quân trong kỳ được xác định như sau

	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	2.877.800	2.877.800
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại	-	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong	2.877.800	2.877.800

9. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
- Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận:	5.968.918.284	7.924.586.648
+ Ảnh hưởng sau thuế của lãi trái phiếu có thể chuyển đổi	-	-
+ Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi	-	-
- Lợi nhuận để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	5.968.918.284	7.924.586.648
Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	2.877.800	2.877.800
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)	2.074	2.754

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	-	151.410.000
Chi phí nhân công	2.254.882.355	2.521.841.943
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.435.197.137	5.414.694.900
Chi phí dịch vụ mua ngoài	543.200.469	797.845.110
Chi phí khác	4.823.806.063	5.030.327.492
Cộng	13.057.086.024	13.916.119.445

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐIỆN LỰC ĐẮK LẮK

Phòng 6, tầng 2, khu B, Chung cư Hoàng Anh Gia Lai, 33 Nguyễn Công Trứ, phường Tự An, Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (đơn vị tính: VNĐ)
1. Tiền trả nợ gốc vay

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền chi trả nợ vay theo kế ước thông thường	4.046.650.000	5.482.090.000
Cộng	<u>4.046.650.000</u>	<u>5.482.090.000</u>

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC
1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty chỉ có giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Hội đồng quản trị	893.282.500	1.183.954.000
<i>Thù lao</i>	132.000.000	132.000.000
<i>Cổ tức</i>	761.282.500	1.051.954.000
Ban điều hành	376.707.148	383.479.855
<i>Tiền lương</i>	376.707.148	383.479.855
<i>Cổ tức</i>	-	-
Ban kiểm soát	108.575.000	122.540.000
<i>Thù lao</i>	72.000.000	72.000.000
<i>Cổ tức</i>	36.575.000	50.540.000
Cộng	<u>1.378.564.648</u>	<u>1.689.973.855</u>

2. Báo cáo bộ phận

- *Trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh*

Trong năm, hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là sản xuất điện thương phẩm.

- *Trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý*

Trong năm, toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

3. Số liệu so sánh

Là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt tại Đà Nẵng.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐIỆN LỰC ĐẮK LẮK

Phòng 6, tầng 2, khu B, Chung cư Hoàng Anh Gia Lai, 33 Nguyễn Công Trứ, phường Tự An, Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Khả năng hoạt động kinh doanh liên tục

Không có những yếu tố đưa đến sự nghi ngờ về khả năng hoạt động kinh doanh liên tục của Công ty và các biện pháp, cam kết đảm bảo cho sự hoạt động trong thời gian tới của Công ty.

5. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Tp. Buôn Ma Thuột, ngày 25 tháng 02 năm 2020



HỒ THỊ THANH THỦY

Người lập biểu



MAI THỊ THU THẢO

Kế toán trưởng



NGUYỄN QUANG TOÀN

Giám đốc

